

CÔNG TY CỔ PHẦN TM - DV - XÂY DỰNG - VẬN TẢI XNK ĐỈNH HUY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TM - DV - XÂY DỰNG - VẬN TẢI XNK ĐỈNH HUY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3703212518

3. Ngày thành lập: 23/05/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số B907, Oasis 3, KDC Việt Sing, Khu phố 4, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0938596965

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống lò sưởi (điện, ga, dầu); thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hòa nhiệt độ; thiết bị lắp đặt ga; hệ thống ống dẫn cấp, thoát nước (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng; thiết bị y tế và giáo dục; dây chuyền sản xuất công nghiệp; kết cấu kim loại; bê tông đúc sẵn; hệ thống cửa các loại; cốppha; khung kèo trong xây dựng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
5.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	4520
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
7.	Bán mô tô, xe máy	4541
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Môi giới thương mại.	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở chính)	4620

11.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn rượu, bia, nước giải khát có gas	4633
12.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).	4659
15.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn dầu nhớt (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG)	4661
16.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác (trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng, đồ ngũ kim	4663
18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh (trừ phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường, không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn hóa chất sử dụng trong công nghiệp (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất có tính độc hại mạnh); Bán buôn nguyên liệu nhựa tái sinh; Bán buôn phụ liệu ngành may mặc, giày dép; Bán buôn tơ, xơ, sợi, dệt; Bán buôn hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ và đồ dùng nội ngoại thất (không tồn trữ hóa chất tại trụ sở)	4669
19.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
20.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
21.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)	9522
22.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán).	6619
23.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê kho bãi, nhà xưởng	6810

24.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng, Công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, Công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi.	7110
25.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội, ngoại thất.	7410
26.	Cho thuê xe có động cơ	7710
27.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi (không hoạt động tại trụ sở).	0810
28.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (không sản xuất, gia công tại địa chỉ trụ sở chính)	1629
29.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở)	2420
30.	Đúc sắt, thép Chi tiết: Đúc sản phẩm sắt bán thành phẩm; Đúc khuôn sắt; Đúc khuôn sắt graphit hình cầu; Đúc khuôn sắt dẹt mỏng; Đúc khuôn thép bán thành phẩm; Đúc khuôn thép (không hoạt động tại trụ sở).	2431
31.	Đúc kim loại màu Chi tiết: Đúc khuôn kim loại nhẹ (không hoạt động tại trụ sở)	2432
32.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng; Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung, cửa chớp, cổng, vách ngăn phòng bằng kim loại, sản xuất hệ thống cửa các loại, coppha, khung kèo trong xây dựng, các cấu kiện kim loại (không hoạt động tại trụ sở).	2511
33.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại Chi tiết: Rèn, dập, ép, nén, nghiền, cán và tạo hình cho kim loại	2591
34.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công sắt, thép các loại, gia công thành bình, gia công hàng ngũ kim, nhôm, kính	2592
35.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi đã làm thủ tục theo quy định của pháp luật).	2599
36.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ bán lẻ hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí)	4791
37.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932

38.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933(Chính)
39.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan (Trừ than đá, phế liệu, hóa chất)	5210
40.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hoá đường hàng không)	5224
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
42.	Chuyển phát	5320
43.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở)	5510
44.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
45.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
46.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Vệ sinh công nghiệp; vệ sinh băng tải than	8129
47.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
48.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
49.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
50.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
51.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
52.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
53.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)	3320
54.	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động, xử lý tại trụ sở chính)	3811
55.	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động, xử lý tại trụ sở chính)	3812
56.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (không hoạt động, xử lý tại trụ sở chính)	3822
57.	Tái chế phế liệu (không hoạt động, xử lý tại trụ sở chính)	3830
58.	Xây dựng nhà ở	4101
59.	Xây dựng nhà không ở Chi tiết: Thi công xây dựng dân dụng, công nghiệp.	4102
60.	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình giao thông cầu, đường bộ, mặt bằng, bến bãi.	4212
61.	Xây dựng công trình điện	4221
62.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, cấp thoát nước, hệ thống nước thải, nhà máy xử lý nước thải, trạm bơm.	4222
63.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

64.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
65.	Xây dựng công trình thủy	4291
66.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
67.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
68.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Xây dựng bến cảng, công trình trên sông, cảng du lịch; Xây dựng công trình thể thao ngoài trời; Thi công xây dựng công trình công trình dân dụng, Công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi	4299
69.	Phá dỡ Chi tiết: Phá dỡ công trình dân dụng và công nghiệp.	4311
70.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
71.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
72.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức (trừ kinh doanh vàng miếng)	4773
73.	(Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 9.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NÌM QUẢN CHUỐNG	Tổ 1, Khu phố Tân Hoá, Phường Tân Vĩnh Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	356.400	3.564.000.000	36,000	0750800062 39	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	356.400	3.564.000.000	36,000		
2	ĐOÀN QUANG MINH	994/11/1 Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 4, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	247.500	2.475.000.000	25,000	0450980000 30	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	247.500	2.475.000.000	25,000		

3	TẠ ÁI MINH	261/4, Khu phố 1, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	386.100	3.861.000.000	39,000	075184002911
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	386.100	3.861.000.000	39,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TẠ ÁI MINH
Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 13/09/1984
Dân tộc: Hoa
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075184002911

Ngày cấp: 20/04/2021
Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 261/4, Khu phố 1, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 261/4, Khu phố 1, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương